

LƯU VĂN LỢI - NGUYỄN ANH VŨ

**CÁC CUỘC THƯƠNG LƯỢNG
LÊ ĐỨC THỌ - KISSINGER TẠI PARIS**

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong lịch sử ngoại giao Việt Nam hiện đại, hiếm có cuộc đàm phán nào kéo dài, cam go, phức tạp như Hội nghị Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam. Hội nghị diễn ra từ ngày 13/5/1968 đến ngày 27/01/1973 với 202 phiên họp công khai, 45 cuộc gặp riêng cấp cao giữa Cố vấn Lê Đức Thọ và Cố vấn Henry Kissinger, 500 cuộc họp báo và 1000 cuộc phỏng vấn. Việc ký kết Hiệp định Paris về Việt Nam là kết quả tổng hợp của cuộc đấu tranh kiên cường, bền bỉ, đầy trí tuệ của toàn dân tộc Việt Nam trên cả hai miền đất nước, tạo nên bước ngoặt chiến lược, mở ra cục diện mới cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đi đến thắng lợi hoàn toàn. Cội nguồn thắng lợi của Hội nghị Paris là tinh thần quyết chiến quyết thắng, ý chí sắt đá bảo vệ chân lý độc lập, tự do của dân tộc, phản ánh sâu sắc sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, cũng như bản lĩnh và nghệ thuật của nền ngoại giao cách mạng Việt Nam, dựa trên chính nghĩa của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Hội nghị Paris và Hiệp định Paris năm 1973 mãi mãi đi vào lịch sử cách mạng Việt Nam nói chung và lịch sử ngoại giao Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh nói riêng như một mốc son không bao giờ phai mờ.

Nhằm góp phần tái hiện và làm sáng rõ hơn thời khắc lịch sử có ý nghĩa đặc biệt ấy, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách *Các cuộc thương lượng Lê Đức Thọ - Kissinger tại Paris*. Thông qua những ghi chép, tư liệu phong phú, lời kể chân thực, giàu sức thuyết phục của hai nhà ngoại giao kỳ cựu Lưu Văn Lợi và Nguyễn Anh Vũ, bức tranh toàn cảnh về Hội nghị Paris đã được phác họa sắc nét, sống động. Các cuộc đàm phán, đấu trí căng thẳng, kéo dài giữa

6 | CÁC CUỘC THƯƠNG LƯỢNG LÊ ĐỨC THỌ - KISSINGER TẠI PARIS

Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ và Cố vấn An ninh quốc gia Mỹ Henry Kissinger được kể lại theo tiến trình thời gian, qua đó làm nổi bật âm mưu, chiến lược của phía Mỹ, đồng thời làm rõ quan điểm, sách lược và bản lĩnh ứng xử linh hoạt, kiên định của ta.

Do cuốn sách đề cập vấn đề lịch sử - ngoại giao phức tạp, liên quan tới nhiều nhân vật và sự kiện đã diễn ra cách đây nhiều thập niên, nên nội dung sách khó tránh khỏi hạn chế nhất định. Bên cạnh đó, khi luận giải, đánh giá về một số vấn đề lịch sử, chúng tôi cơ bản giữ nguyên các luận chứng của các tác giả, coi đây là những gợi mở khoa học để bạn đọc tham khảo.

Trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 3 năm 2026

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI TỰA

Chúng tôi đã xuất bản cuốn *Tiếp xúc bí mật Việt Nam - Mỹ trước Hội nghị Paris* (năm 1990, tái bản năm 2000) và cuốn *Các cuộc thương lượng Lê Đức Thọ - Kissinger tại Paris* (năm 1996). Theo yêu cầu của nhiều bạn đọc trong nước và ngoài nước, nay chúng tôi tái bản hai cuốn thành một tập duy nhất với những bổ sung cần thiết để người đọc có bức tranh toàn cảnh về quá trình chuyển biến ngoại giao từ chiến tranh sang hòa bình ở Việt Nam. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã lùi xa, mộ các chiến sĩ đã xanh bất chấp lòng người chưa vui bớt nhớ thương.

Trong thời gian đó, ông McNamara, nguyên Bộ trưởng Bộ Quốc phòng của Tổng thống L.B. Johnson, suy nghĩ ngày đêm để tìm xem có cơ hội hòa bình nào ở Việt Nam bị bỏ lỡ hay không. Ông đã cùng nhiều tướng tá Mỹ từng tham chiến ở Việt Nam và nhiều nhà ngoại giao, nhà nghiên cứu Mỹ sang Việt Nam trao đổi ý kiến với các cựu đối thủ của họ nhằm cùng nhau tìm sự xác nhận rằng bên này hay bên kia đã bỏ lỡ những cơ hội kết thúc cuộc chiến tranh. Là người cùng dự hội thảo với họ, chúng tôi thấy họ đã phân tích mọi tài liệu có thể có, lật đi lật lại các vấn đề, xem xét mọi khía cạnh trong những cuộc tranh luận cởi mở, thẳng thắn. Rất tiếc, sau nhiều cuộc gặp nhau, các nhà nghiên cứu Mỹ đi đến kết luận “tranh cãi không cùng” (argument without end).

Vấn đề đúng là phức tạp, lôgic của người Việt Nam và lôgic của người Mỹ đúng là khác nhau, nhưng chỉ có một sự thật, sao mà khó tìm thế?

Chúng tôi nghĩ như mọi người rằng, chiến tranh là chiến tranh và nó có quy luật của nó. Khi Johnson quyết định đưa lính Mỹ sang trực tiếp chiến đấu ở miền Nam Việt Nam và cho máy bay Mỹ trực tiếp ném bom miền Bắc Việt Nam, ông tuyên bố tại Baltimore “sẵn sàng thương lượng không điều kiện” với Hà Nội, hay khi ông quyết định đưa 500.000 quân Mỹ sang miền Nam Việt Nam, mở chiến dịch ngoại giao lớn nhất trong nhiệm kỳ tổng thống của ông, có phải ông thật sự muốn chấm dứt chiến tranh không? Trước Chúa, chắc ông cũng không dám nói thật, địch thủ của ông làm sao tin được. Nhưng dư luận Mỹ cũng như dư luận thế giới cũng hiểu rằng ông cần tỏ thiện chí hòa bình để che giấu ý đồ mở rộng chiến tranh ở Việt Nam sau khi Chiến tranh đặc biệt thất bại. Khi chiến tranh lớn bắt đầu giữa nước Việt Nam nhỏ bé, lạc hậu với nước Mỹ siêu cường, hùng mạnh, so sánh lực lượng nghiêng hẳn về phía Mỹ và người ta gọi đó là cuộc đấu tranh giữa David và Goliath của thế kỷ XX. Tất nhiên nhân dân Việt Nam phải chống xâm lược bằng mọi khả năng, kể cả việc tập hợp lực lượng hòa bình thế giới và nhân dân tiến bộ Mỹ đồng tình và ủng hộ với cuộc chiến đấu tự vệ chính đáng của mình, và khi đó tất nhiên họ không thể tin những “sáng kiến hòa bình” của Nhà Trắng. Bất cứ ở đâu và bất cứ thời nào, khi chiến tranh mới nổ ra, tất cả các bên tham chiến đều tìm thêm đồng minh, tranh thủ thêm sự đồng tình, làm cho so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho mình, đó là điều tất nhiên, là nhu cầu cần thiết, vì như một tướng Mỹ đã nói “trong chiến tranh không gì thay thế được chiến thắng”. Nhưng cao quý hơn, đúng ra là tối cần thiết hơn chiến thắng là hòa bình, hòa bình giữa các quốc gia, hữu nghị giữa các dân tộc. Khát vọng hòa bình của con người sâu sắc đến mức người ta cho rằng “một nền hòa bình tồi còn tốt hơn chiến tranh”.

Người ta có lý do, có thể nói có bằng chứng rằng, trong thập niên 1960, những người cầm quyền ở Mỹ luôn nói hòa bình nhưng khi hòa bình nằm trong tầm tay họ thì họ lại vứt bỏ. Hiệp định Genève năm 1954 nhằm chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương hoàn toàn phù hợp với giải pháp “7 điểm” mà Tổng thống Eisenhower

đã thỏa thuận với Thủ tướng Churchill ngày 29/6/1954, nhưng ngày 23/10/1954 chính Eisenhower lại gửi thư cho Ngô Đình Diệm báo rằng Mỹ sẽ cung cấp viện trợ kinh tế và quân sự cho Ngô Đình Diệm, chính phủ và quân đội của ông ta để xây dựng miền Nam Việt Nam thành một quốc gia độc lập và chống cộng. Năm 1962, Mỹ ký Hiệp định Genève về trung lập của Vương quốc Lào nhưng ngay sau đó lại bác bỏ một đề nghị của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam về việc chấm dứt chiến tranh và đưa miền Nam Việt Nam vào con đường hòa bình, trung lập theo mô hình Lào. Một lần nữa, Washington đã bác bỏ một giải pháp mà chính họ đã chấp nhận. Chẳng phải đó là hai cơ hội hòa bình mà Mỹ đã bỏ lỡ đó sao? Từ thực tế đó, người ta buộc phải đặt câu hỏi họ muốn gì, hòa bình hay chiến tranh, khi họ nói thiện chí hòa bình. Chỉ kể từ Westphala, cái gì bảo đảm hòa bình giữa các quốc gia, từ khi có Liên hợp quốc, cái gì bảo đảm an ninh thế giới? Ai cũng hiểu rằng đó là sự tôn trọng chủ quyền của các quốc gia, đó là sự từ bỏ sử dụng vũ lực trong quan hệ giữa các quốc gia. Ông McNamara muốn chấm dứt chiến tranh nhưng quyền tiếp tục hay chấm dứt chiến tranh nằm trong tay Tổng thống Johnson, việc ông rời bỏ Lầu Năm Góc là chuyện dễ hiểu. Mà chừng nào ông Johnson còn ảo tưởng chặn được chủ nghĩa cộng sản ở vĩ tuyến 17 Việt Nam thì chừng đó ông ta còn chưa chịu xem xét mọi cơ hội hòa bình ở Việt Nam. Ngay ông Nixon đã ở trong tình thế phải chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam, chịu rút quân Mỹ về nước rồi mà vẫn muốn duy trì chính quyền Nguyễn Văn Thiệu để Thiệu tiếp tục chiến tranh với vũ khí và cố vấn Mỹ. Rõ ràng, chừng nào những người cầm quyền Mỹ còn nghĩ có thể chiến thắng Việt cộng thì làm gì có cơ hội hòa bình, trừ trường hợp Việt cộng chịu chấm dứt chiến tranh theo điều kiện của Mỹ.

Cái gốc của vấn đề không phải là có hay không có cơ hội hòa bình, là chấp nhận hay khước từ cơ hội, mà là tôn trọng hay không tôn trọng chủ quyền của nhau, là sử dụng hay không sử dụng vũ lực trong quan hệ với nhau, đơn giản là tôn trọng hay không tôn trọng hòa bình, an ninh thế giới.

Có người Mỹ đã nhắc đến bài thơ của thi sĩ Samuel Taylor Coleridge về người thủy thủ già giết con hải âu - con chim thành kính mang điềm lành tới người đi biển, để rồi con tàu gặp không biết bao nhiêu gian nan, hiểm họa. Đó chính là bài học của chiến tranh ở Việt Nam về xử lý quan hệ ngoại giao giữa các quốc gia.

Việc tìm kiếm hòa bình ở Việt Nam đã kéo dài, đầy khó khăn và trở ngại. Nhưng:

Đến khi kết thúc mọi sự tìm kiếm

Ta sẽ tới nơi mà chúng ta đã bắt đầu.

(TS. Eliot)

Cuối cùng, chiến tranh đã chấm dứt ở Việt Nam. Chúng ta vui mừng là hai nước đã khép lại quá khứ, ra sức lấp bằng cái hố ngăn cách mà chiến tranh đã khơi ra, bình thường hóa quan hệ với nhau. Một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên hữu nghị và hợp tác bắt đầu vì hòa bình và phát triển.

Hà Nội, mùa Xuân năm 2002

LƯU VĂN LỢI

Chương I

1968: CHẤM DỨT NÉM BOM MIỀN BẮC VÀ HỘI ĐÀM BỐN BÊN

Hội nghị Paris bắt đầu

Hãy cho phép chúng tôi nhắc lại một sự kiện mà thế hệ thanh niên hôm nay không biết đến - sự kiện cách đây hơn một phần tư thế kỷ đã đưa hình ảnh chiến tranh ở Việt Nam đến từng nhà người dân Mỹ, làm nức lòng bạn bè của Việt Nam nhưng đã làm điên đầu các vị lãnh đạo Nhà Trắng và Lầu Năm Góc: cuộc Tổng tiến công và nổ dậy Tết Mậu Thân (năm 1968).

Sau cuộc tiến công đó, Tổng thống Johnson gửi 20.000 quân tăng viện cho tướng Westmoreland. Ngày 31/3/1968, Johnson tuyên bố đình chỉ các hoạt động của không quân, hải quân Mỹ chống miền Bắc Việt Nam, trừ khu vực giáp khu phi quân sự, và khước từ việc Đảng Dân chủ cử ông ra ứng cử trong cuộc bầu cử tổng thống sắp tới. Ông nhắc lại đề nghị sẵn sàng đi bước trước trên con đường thương lượng với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Đó là sự thất bại rõ ràng của kế hoạch chiến lược hai năm do McNamara đề ra mà ông ta đã thông qua, nhằm đảo ngược tình hình miền Nam Việt Nam và bước vào năm bầu cử tổng thống 1968 với một chiến thắng lấy lòng.

Không để Nhà Trắng chờ đợi lâu, vào ngày 03/4, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chính thức tuyên bố: “Rõ ràng

Chính phủ Mỹ chưa đáp ứng nghiêm chỉnh và đầy đủ những đòi hỏi chính đáng của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, của dư luận tiến bộ Mỹ và dư luận thế giới. Tuy nhiên về phía mình, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố sẵn sàng cử đại diện của mình tiếp xúc với đại diện Mỹ nhằm xác định rõ việc Mỹ phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống lại nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để có thể bắt đầu cuộc nói chuyện”¹.

Gần một tháng trôi qua mà hai bên không thỏa thuận được về vấn đề địa điểm họp. Cuối cùng, Hà Nội đề nghị họp ở Paris, đồng thời cử Bộ trưởng Xuân Thủy làm Trưởng Đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Washington chấp nhận và cử Averell Harriman, nhà thương lượng có tiếng của Mỹ, rất thông thạo các vấn đề của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, đã từng tham gia các cuộc hội đàm cấp cao của khối Đồng minh chống phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

Chính phủ Pháp đã có nhã ý dành Trung tâm Hội nghị quốc tế tại đại lộ Kléber cho các cuộc thương lượng Việt - Mỹ.

Khi cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã trở thành nỗi trăn trở của cả nhân loại, thành vấn đề lương tri của thời đại, thì không có gì ngạc nhiên là từ khắp nơi trên thế giới, người ta mong chờ, hướng về Hội nghị Paris này. Hàng nghìn nhà báo, điện ảnh, nhiếp ảnh đã đổ về hội trường Kléber, đông hơn bất kỳ hội nghị quốc tế nào trong nhiều năm gần đây. Ngày 13/5 là ngày chính thức bắt đầu cuộc “chiến tranh” mới giữa Việt Nam và Mỹ - cuộc “chiến tranh” quanh tằm thảm xanh trong lúc bom vẫn nổ trên chiến trường. Nhiều người nghĩ: người Việt Nam đã lần lượt làm thất bại các kế hoạch chiến tranh của Mỹ, nên không thể nghi ngờ tài năng quân sự của họ. Nhưng rồi đây, liệu chiến lược ngoại giao của họ có đạt hiệu quả như chiến lược quân sự hay không?

1. Báo *Nhân Dân*, ngày 04/4/1968.

Điều chắc chắn là hai bên đã vào trận với đội ngũ hùng mạnh, báo hiệu một cuộc giao tranh ít nhất cũng là quyết liệt.

Phía Mỹ, ngoài Harriman còn có Cyrus Vance - nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, sau này là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao dưới thời Tổng thống Jimmy Carter; Philippe Habib - một chuyên gia kỳ cựu về vấn đề Việt Nam; W. Jordan - một nhà ngoại giao năng động, tác giả văn kiện *Vì sao có vấn đề Việt Nam* của Bộ Ngoại giao Mỹ, giải thích lý do Nhà Trắng phải ném bom nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đưa quân Mỹ sang chiến đấu ở miền Nam Việt Nam. Phía Việt Nam có Xuân Thủy - một chiến sĩ cách mạng lão thành, một nhà báo, nhà thơ, đã từng giữ trọng trách Bộ trưởng Bộ Ngoại giao. Phó Trưởng đoàn là Đại sứ Hà Văn Lâu - nguyên Cục trưởng Cục Tác chiến Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam, thành viên Đoàn đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị Genève năm 1954 về Đông Dương và Hội nghị Genève 1961 - 1962 về Lào. Ngoài ra còn có Phan Hiền - một luật gia, Vụ trưởng Vụ Báo chí, Bộ Ngoại giao và sau này là Bộ trưởng Bộ Tư pháp; Nguyễn Thành Lê - Phó Tổng Biên tập Báo *Nhân Dân*, cơ quan Trung ương của Đảng Lao động Việt Nam. Cả Nguyễn Minh Vỹ và Nguyễn Thành Lê đều đã tham gia Hội nghị Genève 1961 - 1962 về Lào. Lần này, Nguyễn Thành Lê là người phát ngôn của đoàn Việt Nam.

Xuân Thủy bắt tay Harriman (họ đã gặp nhau từ Hội nghị Genève 1961 - 1962 về Lào) với nụ cười đôn hậu và tươi tắn. Báo chí đều nói đến cái bắt tay "lịch sử" này. Kể cũng là lịch sử thật, vì đây là lần đầu tiên đại diện chính thức của hai bên tham chiến ngoan cường đang chiến đấu quyết liệt bằng tất cả khả năng của mình để giành chiến thắng tiếp xúc với nhau. Nhưng ý nghĩa của cái bắt tay chỉ có thể thật sự là "lịch sử" khi các cuộc thương lượng mang lại một giải pháp cho cuộc chiến tranh. Những cuộc tranh cãi lúc đầu "nảy lửa", xoáy sâu vào nhiều khía cạnh của cuộc chiến với những con số mới lạ, những sự việc ít ai biết đến, rồi dần dần cũng trở nên tẻ nhạt bởi còn quá sớm để cho phép có một kết luận nào, dần dần trở thành tẻ nhạt. Những nhà báo mong sớm có một sự thỏa thuận

nào đó cũng rút dần. Ông Xuân Thủy nêu khái quát nguyên nhân cuộc chiến tranh là chính sách can thiệp và xâm lược của Mỹ, phá hoại Hiệp định Genève năm 1954 về Việt Nam, phá hoại các điều khoản về tổng tuyển cử để tái thống nhất nước Việt Nam, xây dựng miền Nam Việt Nam thành một quốc gia riêng, xây dựng nguy quân, nguy quyền làm công cụ thực hiện chủ nghĩa thực dân mới. Mỹ đã đưa máy bay ném bom nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đồng thời đưa quân Mỹ vào chiến đấu ở miền Nam Việt Nam, gây nên rất nhiều tội ác. Lập trường giải quyết vấn đề Việt Nam là bốn điểm của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và năm điểm của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Mỹ phải chấm dứt chiến tranh, rút quân về nước, để nhân dân Việt Nam giải quyết công việc của mình. Trước mắt Mỹ là chấm dứt hoàn toàn, không điều kiện các cuộc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để có thể bắt đầu bàn về một giải pháp cho vấn đề Việt Nam. Ông Harriman cáo buộc Việt Nam Dân chủ Cộng hòa xâm lược miền Nam, vi phạm quy chế khu phi quân sự, khẳng định Mỹ không có tham vọng gì ở Đông Dương, không muốn mở rộng chiến tranh nhưng sẽ tiếp tục bảo vệ tự do và có hành động thích đáng, cần thiết trước sự xâm lược của kẻ khác. Mỹ không có ý định xấu đối với lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, không có ý định lật đổ chính quyền Hà Nội. Mỹ chỉ muốn giúp đỡ miền Nam Việt Nam duy trì tự do, độc lập, chống lại sự xâm lược do cộng sản Hà Nội chi viện và lãnh đạo. Mỹ sẽ sung sướng nếu tất cả các bên hữu quan tôn trọng Hiệp định Genève năm 1954 và như vậy sẽ có giải pháp thỏa đáng về vấn đề Việt Nam. Bất cứ dấu hiệu nào của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa muốn trở lại Hiệp định đó sẽ được hoan nghênh.

“Đường gươm” của hai ông Xuân Thủy, Harriman vẫn là: *Mỹ xâm lược Việt Nam và miền Bắc xâm lược miền Nam.*

Khi bước vào đàm phán với phía Mỹ, Đoàn đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã xác định ba mục tiêu: tranh thủ sự đồng tình của dư luận đối với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam, phân

hóa và cô lập đối phương, phục vụ chiến đấu trên chiến trường; đòi Mỹ chấm dứt ném bom bắn phá miền Bắc Việt Nam; và tìm hiểu ý đồ của Mỹ. Sau một tháng “độ gươm” ở hội trường Kléber, phía Việt Nam thấy mặt tuyên truyền có đạt được một số kết quả nhưng chưa tìm hiểu được thêm ý đồ của Mỹ.

Ngày 03/6, Nguyễn Duy Trinh - Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, chỉ thị cho Đoàn: “Tiếp tục làm tốt việc đấu tranh công khai và chuẩn bị lúc nào thuận lợi thì vừa nói chuyện công khai vừa nói chuyện hậu trường. Nói chuyện hậu trường khác với nói chuyện bí mật của Mỹ. Nhưng không cho Mỹ dùng việc nói chuyện hậu trường để lừa bịp, gây ảo tưởng trong dư luận”.

Trước đó, vào cuối phiên họp ngày 12/6, Nguyễn Thành Lê, người phát ngôn của đoàn Việt Nam nhận lời mời đi ăn cơm của Jordan, phát ngôn viên đoàn Mỹ. Sự ngăn cách bắt đầu được khai thông. Liên sau đó, Hà Văn Lâu, Phó Trưởng đoàn Việt Nam nhận lời gặp riêng Cyrus Vance, Phó Trưởng đoàn Mỹ.

Ngày 12/6, người ta thấy xuất hiện trong Đoàn đại biểu Việt Nam một gương mặt mới: Lê Đức Thọ - Cố vấn đặc biệt của Bộ trưởng Xuân Thủy. Những người quan tâm tự hỏi con người đó là ai, nhưng cơ quan tình báo Pháp và Mỹ đã có hồ sơ đầy đủ. Ông là một nhà hoạt động cách mạng từ khi còn đi học, tên thật là Phan Đình Khải, quê ở huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định. Từ nhà pha Hoả Lò ở Hà Nội đến nhà tù Sơn La, ngục Côn Đảo, ông đã trải nhiều năm tháng trong lao tù. Cuộc sống đã rèn luyện ông thành một chiến sĩ cộng sản kiên cường và sớm đưa ông vào hàng ngũ những nhà lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Năm 1968, ông đang là Ủy viên Bộ Chính trị, được coi là người có mưu lược, vũng vàng, biết quyết đoán khi cần thiết. Sau Tết Mậu Thân, ông được điều vào miền Nam tăng cường cho Trung ương Cục miền Nam để phát huy kết quả của đợt tổng tiến công Tết Mậu Thân. Cuối đợt hai của cuộc tổng tiến công, bắt đầu từ ngày 04/5, Chủ tịch Hồ Chí Minh gọi ông ra Hà Nội và cử ông làm Cố vấn đặc biệt cho Bộ trưởng Xuân Thủy.

Sự có mặt của ông trong Đoàn đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị Paris chứng tỏ phía Việt Nam muốn đẩy các cuộc thương lượng tiến triển xa hơn. Và cũng từ những ngày tháng 6, tiếp xúc riêng trở thành diễn đàn chính song song và quan trọng hơn diễn đàn tại đại lộ Kléber.

Cấp phó trưởng đoàn: Thăm dò

Cuộc tiếp xúc đầu tiên diễn ra tối 26/6/1968, tại nhà riêng của đoàn Việt Nam, ở Vitry-sur-Seine. Cyrus Vance đến cùng với Philippe Habib. Phía Việt Nam, cùng đón tiếp với Hà Văn Lâu còn có Nguyễn Minh Vỹ.

Sau những câu trao đổi lễ tân, C. Vance rút trong túi ra một tờ giấy đánh máy và đọc: “Mỹ sẽ chấm dứt các cuộc ném bom trên toàn miền Bắc vào một ngày sẽ được thông báo cho phía Việt Nam biết trước. Trước ngày đó, hai bên sẽ thỏa thuận về *“hoàn cảnh”* (circumstances) được thực hiện sau khi chấm dứt ném bom. Đó là cách vượt qua những trở ngại trên đường đi của chúng ta. Tôi nghĩ điều đó có thể thỏa mãn gợi ý của các ông đề ra, đồng thời thỏa mãn đòi hỏi của chúng tôi. Chúng tôi có thể chấm dứt ném bom mà không làm tổn hại đến tính mệnh binh lính Mỹ và đồng minh”.

Ông cũng nói hai bên sẽ thảo luận về *“hoàn cảnh”* và giữ bí mật, không công bố.

Đại sứ Hà Văn Lâu nhắc lại đòi hỏi của ta, như đã trình bày ở hội trường Kléber. C. Vance nói rằng một trong những vấn đề sẽ phải thảo luận là *“hành động chiến tranh khác”*. Habib thêm: “Việc chấm dứt ném bom không đặt ra nữa vì ngày chấm dứt ném bom sẽ được định trước”.

Trả lời câu hỏi thế nào là *“hoàn cảnh”*, C. Vance nhắc lại vấn đề khu phi quân sự và nói Mỹ lo ngại về các việc sau đây: “Bắn pháo từ khu phi quân sự và từ miền Bắc Việt Nam vào quân Mỹ và quân đồng minh, tấn công bằng bộ binh qua khu phi quân sự”. Habib thêm: “Và từ trong khu phi quân sự”.

C. Vance tiếp:

- Việc tăng cường lực lượng ô ạt vào miền Nam Việt Nam và việc tấn công vào dân thường ở thành phố miền Nam như Sài Gòn... đó là những điều phải bàn đến khi nói chữ “hoàn cảnh”.

Hà Văn Lâu bình luận:

- Không có đề nghị gì mới trong lập trường của Mỹ - có chăng là ở chỗ thêm việc định ngày chấm dứt ném bom.

Habib:

- Có những điều mới khác: “Hoàn cảnh” chỉ thực hiện sau khi chấm dứt ném bom, như vậy không trở thành điều kiện để chấm dứt ném bom, như thế là thỏa mãn cả yêu cầu của Việt Nam và của Mỹ. Điều mới thứ ba là ngay từ thời điểm này, Mỹ không đòi Việt Nam phải làm gì cả mà chỉ đặt ra yêu cầu sau khi ngừng ném bom.

C. Vance cố gắng thuyết phục các nhà thương lượng Việt Nam về tính hợp lý của đề nghị đó và cho rằng:

- Việc lập lại khu phi quân sự đối với thế giới là hành động liên quan đến cả hai bên... không liên quan đến việc chấm dứt ném bom... Lập lại khu phi quân sự tiếp sau khi ngừng ném bom không phải là điều kiện.

Hà Văn Lâu:

- Đề nghị của Mỹ vẫn là có đi có lại. Nếu cuộc thảo luận không đi đến thỏa thuận thì thế nào?

C. Vance:

- Mỹ sẽ không chấm dứt ném bom.

Cuộc trao đổi đầu tiên này chấm dứt lúc quá nửa đêm sau hai giờ làm việc.

Điều đáng chú ý là mặc dù Hà Văn Lâu lên án mạnh mẽ việc Mỹ xâm lược, C. Vance không trả lời mà chỉ tập trung vào vấn đề chấm dứt ném bom miền Bắc.

Giữa tháng 7, hai đại sứ gặp nhau lại. Ông C. Vance cũng đọc trong một tờ giấy chuẩn bị sẵn: “Mỹ sẵn sàng chấm dứt ném bom vào một ngày cụ thể mà không yêu cầu hành động có đi có lại, nếu chúng ta đạt được những hiểu biết về những hành động chung sau khi Mỹ chấm dứt ném bom”.

Tiếp đó ông trình bày một kế hoạch hai giai đoạn, mỗi giai đoạn cách nhau độ một tháng - khoảng cách càng ngắn càng tốt. Ông nói:

- Trước khi chấm dứt ném bom, Mỹ cần biết rõ những điều gì sẽ xảy ra ở giai đoạn hai - nghĩa là những biện pháp thích hợp cho cả hai bên.

Rồi ông vẽ một sơ đồ trên giấy, tóm tắt như sau:

Giai đoạn 1: Mỹ chấm dứt những cuộc ném bom bắn phá bằng không quân, hải quân và pháo binh chống Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cùng tất cả các hành động liên quan đến việc dùng vũ lực ở trên và trong Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trước đó hai bên sẽ thảo luận về những vấn đề liên quan mà mỗi bên sẽ thực hiện sau khi chấm dứt ném bom.

Giai đoạn 2: Hai bên sẽ thực hiện:

1- Khôi phục khu phi quân sự theo quy chế đề ra năm 1954 (không có nhân viên quân sự hay thiết bị quân sự để bên trong hay vận chuyển qua khu này, mời Ủy ban Quốc tế trở lại và mở rộng hoạt động để giám sát việc thực hiện, không bắn pháo qua khu phi quân sự, không tập trung lực lượng trong khu này).

2- Không tăng thêm lực lượng của Mỹ cũng như của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quá mức hiện có sau khi chấm dứt ném bom.

3- Bắt đầu thảo luận những vấn đề thực chất. Mỹ cũng như Việt Nam có thể nêu bất cứ vấn đề gì liên quan đến giải pháp hòa bình.

Trong cuộc thảo luận đó, phía Mỹ sẽ gồm có đại diện của Việt Nam Cộng hòa. Phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có thể có bất kỳ đại diện nào mà phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa muốn mời tham dự.

4- Mỹ sẵn sàng xét các vấn đề tương tự mà phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có thể nêu ra.

Phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẽ không có tấn công không phân biệt vào Sài Gòn - Đà Nẵng - Huế.

Ý kiến Mỹ đưa ra chỉ thêm một vài điểm mới về hình thức và danh từ như đề ra giai đoạn 1, giai đoạn 2, dùng chữ “biện pháp” thay chữ “hoàn cảnh”, còn thực chất vẫn đặt điều kiện cho việc chấm dứt ném bom.

Hà Văn Lâu:

- Nếu thảo luận vấn đề của giai đoạn 2 mà không thỏa thuận được thì Mỹ có chấm dứt ném bom không?

C. Vance không trả lời “không chấm dứt” như lần trước, mà nói:

- Cứ thảo luận đi, biết đâu là có thể thỏa thuận được. Thảo luận trước có mất gì?

Đầu tháng 8, trước khi về Mỹ, C. Vance lại yêu cầu gặp Hà Văn Lâu. Trong cuộc họp hôm 04/8, có lẽ ông ta muốn tìm hiểu ý đồ của Việt Nam để giúp Washington lượng định bước đi trong những tháng tới, lúc cuộc chạy đua vào Nhà Trắng đang đến gần. Lần này ông giải thích nhiều về các biện pháp ở giai đoạn 2 mà lần trước ông nói chưa đủ liều, và nhắc lại đề nghị của Mỹ đưa ra, không kèm theo vấn đề có đi có lại.

Ngày 19/8, Hà Văn Lâu và C. Vance lại gặp nhau. Hà Văn Lâu muốn nghe xem người đối thoại của mình sau khi đã gặp các nhân vật cấp cao ở Washington - và các ứng cử viên hai đảng: Dân chủ (H. Humphrey) và Cộng hòa (R. Nixon) - có mang theo gì mới đến Paris không?

Là con người cẩn thận, C. Vance lại đọc một bài chuẩn bị sẵn, đại ý nói rằng: Mỹ đã xem lại các cuộc gặp trước và đi đến kết luận rằng “chưa có hiểu nhau về khía cạnh đề nghị của Mỹ”. Đó là vấn đề tham dự thêm, vấn đề ắt sẽ trở nên cần thiết nếu có đàm phán nghiêm chỉnh sau khi chấm dứt ném bom. Mỹ cho rằng đàm phán nghiêm chỉnh cần có sự tham gia của đại diện phía Việt Nam Cộng hòa. Sự tham gia đó là điều thiết yếu nếu muốn có đàm phán nghiêm chỉnh về tương lai của Nam Việt Nam. Tuy nhiên, Chính phủ Mỹ không đòi Chính phủ Ngài công nhận Việt Nam Cộng hòa là chính phủ chân chính... Đây là tham gia chứ không phải công nhận... cũng như Mỹ không công nhận Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam nhưng vẫn đồng ý sự tham gia của hai bên này... Mỹ thấy sự tham gia này là cần thiết đối với cuộc nói chuyện nghiêm chỉnh.

Ông ta than phiền về tình trạng “nghẽn đường” hiện nay và nói có vẻ thành thật rằng ông ta đang rất bối rối - có phải Việt Nam

không tán thành sự xuất hiện của đại diện Việt Nam Cộng hòa trong cuộc đàm phán không? Không biết ông ta hiểu lập trường của Việt Nam như thế có đúng không? Ông ta nhấn mạnh rằng mối quan tâm và điều mà Johnson tìm kiếm là những gì sẽ xảy ra ở chiến trường sau khi chấm dứt ném bom. Ông đang chờ đợi một quan điểm về vấn đề này, dù trực tiếp hay gián tiếp.

Hà Văn Lâu:

- Chúng tôi đã nói rõ lập trường của phía Việt Nam, rằng Mỹ hãy chấm dứt ném bom đi thì hai bên sẽ đề cập mọi câu chuyện liên quan đến giải pháp chính trị cho vấn đề Việt Nam.

Nguyễn Minh Vỹ:

- Chấm dứt ném bom rồi sẽ có nói chuyện, nhất định sẽ có nói chuyện.

Qua mấy cuộc gặp này, Hà Nội thấy rõ Washington lúc đầu đặt vấn đề một cách toàn diện - cả ở miền Nam lẫn miền Bắc, ở Việt Nam và Lào, Campuchia, nay tập trung vào một vấn đề: chấm dứt ném bom miền Bắc. Đó là điều tất yếu nếu muốn giải quyết hòa bình vấn đề miền Nam. Họ nêu ra nhiều điều kiện cho việc chấm dứt ném bom. Nhưng chúng ta cũng thấy Mỹ muốn có cuộc nói chuyện mở rộng ở giai đoạn 2. Họ chấp nhận sự tham gia của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tuy nêu rõ: chấp nhận không có nghĩa là công nhận. Họ muốn chính quyền Sài Gòn tham gia như Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Cấp trưởng đoàn: Đi vào thực chất

Ngày 21/8/1968, trong phiên họp lần thứ 18 tại hội trường Kléber, hai đoàn đang nghỉ uống cà phê. Harriman gợi ý gặp riêng Cố vấn Lê Đức Thọ và Bộ trưởng Xuân Thủy. Lê Đức Thọ vui vẻ nhận lời.

Để hiểu yêu cầu của Harriman, cần nhìn lại tình hình chung của cuộc chiến tranh ở Việt Nam và tình hình cuộc tranh cử tổng thống ở Mỹ.

Sau đợt hai của cuộc tổng tiến công và nổi dậy tháng 5/1968 không đạt kết quả như mong đợi, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tiến hành đợt ba tổng tiến công với nhận thức rằng tổng tiến công và tổng khởi nghĩa là một quá trình tiến công liên tục, đợt này đến đợt khác để thực hiện quyết tâm đánh thắng quân Mỹ trong mọi tình huống. Chiến trường trọng điểm là Sài Gòn - Gia Định và miền Đông Nam Bộ¹. Nhưng chẳng những ta không thực hiện được ý đồ chiến lược tiến công vào Sài Gòn và một số thị xã khác thuộc các tỉnh đồng bằng Khu V, Tây Nguyên, Nam Bộ, mà thương vong lại tăng lên. Sức ép quân sự của ta không đủ mạnh để tạo điều kiện cho quần chúng nông thôn nổi dậy tổng khởi nghĩa như đã định².

Ở Mỹ, người ta hiểu rằng kế hoạch chiến lược giành thắng lợi để chuẩn bị năm bầu cử 1968 đã thất bại, các cuộc vận động ngoại giao trên cơ sở các công thức Baltimore, San Antonio kết hợp với các cuộc ngừng ném bom cũng đã thất bại.

Trên chiến trường Việt Nam, quân Mỹ đã phải từ bỏ chiến lược phản công, chuyển hẳn sang chiến lược phòng ngự, từ bỏ biện pháp chiến lược “tìm và diệt” chủ lực của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam chuyển sang chủ trương “quét và giữ”, “phi Mỹ hóa” chiến tranh. Trong cuộc tranh cử tổng thống, ứng cử viên của Đảng Cộng hòa, Nixon và H. Humphrey, đương kim Phó Tổng thống, ứng cử viên của Đảng Dân chủ, vận động với một chương trình cơ bản giống nhau. Cương lĩnh Đảng Dân chủ nhấn mạnh việc chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam với điều kiện Hà Nội đáp ứng. Đảng Cộng hòa không đi vào những vấn đề cụ thể nhưng phê phán việc đưa quân Mỹ vào Đông Nam Á là một sai lầm. Humphrey vẫn cứ gắn với tổng thống chiến bại, còn Nixon nhấn mạnh phải có lãnh đạo mới có khả năng suy nghĩ và hành động theo kiểu mới.

1, 2. Xem Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, Bộ Quốc phòng: *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1990, t.I, tr.307.

Các cuộc thăm dò dư luận cho thấy uy tín của Humphrey ngày càng sút kém so với uy tín của Nixon. Khi Johnson chấp nhận công thức hòa bình của Dean Rusk - ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam trên thực tế, không đòi hỏi bất cứ điều kiện gì - ông ta đã tính đến việc kết hợp hoạt động quân sự ở Việt Nam với việc thương lượng. Khi nhận thấy cần tạo thêm điều kiện giành thắng lợi trong bầu cử do không giành được thắng lợi quân sự, Johnson đã nghĩ đến việc tận dụng cuộc gặp gỡ ở Paris để tạo thuận lợi cho Humphrey.

Hà Nội không chỉ là những nhà chiến lược quân sự, mà trước hết còn là những nhà chiến lược chính trị, nên đã nắm bắt đúng lúc vị trí của vấn đề Việt Nam trong cuộc tranh cử tổng thống ở Mỹ. Đầu tháng 8/1968, Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam quyết định: “Nếu Mỹ muốn giải quyết vấn đề Việt Nam theo những điều phù hợp với lập trường của ta, trước khi ta giành thắng lợi quyết định, thì ta cũng không bỏ lỡ cơ hội”¹.

Mọi việc nay càng rõ khi Harriman chủ động đề nghị có cuộc gặp với Lê Đức Thọ và Xuân Thủy. Ở đây, một con én có thể làm nên mùa xuân.

Cuộc gặp thứ nhất: ngày 08 tháng 9

Ngày gặp: 08/9/1968. Về địa điểm, lúc đầu đoàn Mỹ đề nghị một biệt thự nhỏ, hẻo lánh ở phố Boileau, sau họ nhận hợp tại nhà riêng của đoàn Việt Nam ở Vitry-sur-Seine.

Phía Việt Nam, ngoài các ông Lê Đức Thọ và Xuân Thủy, có Hà Văn Lâu và phiên dịch Nguyễn Đình Phương. Phía Mỹ, ngoài Harriman có Vance, Philippe Habib.

Sau những câu chuyện xã giao giáo đầu, Harriman vào đề trước.

Ông ta nói nhiệm vụ của người đàm phán là tìm cách vượt qua khó khăn để đạt được thỏa thuận và cảm thấy rằng những ý kiến

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.29, tr.385.

của hai bên có sự khác biệt về hình thức lớn hơn là về thực chất. Ví dụ, hai bên cùng tán thành vấn đề cơ bản là Mỹ chấm dứt ném bom rồi chuyển sang nói chuyện nghiêm chỉnh để tiến tới một giải pháp hòa bình. Hiện nay chỉ còn khác nhau ở chỗ thực hiện việc chấm dứt ném bom trong “hoàn cảnh” như thế nào, và khác nhau ở cách hiểu chữ “nghiêm chỉnh” trong câu “nói chuyện nghiêm chỉnh”.

Rồi ông ta nhắc lại, quan tâm lớn nhất của Tổng thống Johnson là những gì sẽ xảy ra ở khu phi quân sự. Vấn đề “nói chuyện nghiêm chỉnh” là phải có đại diện của chính quyền Sài Gòn, và cũng với tinh thần đó Việt Nam sẽ có đại diện của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam hoặc người nào khác tùy phía Việt Nam. Ông ta cũng nói không phản đối nói chuyện tay đôi về tương lai của hai nước, các vấn đề lợi ích lớn hiện nay và tương lai của miền Bắc Việt Nam.

Bộ trưởng Xuân Thủy nhắc lại rằng thái độ của Việt Nam lúc nào cũng nghiêm chỉnh - ở Kléber hay trong gặp riêng. Bộ trưởng cũng xác nhận những tuyên bố của Hà Văn Lâu với C. Vance trong các cuộc gặp trước đây là quan điểm của Đoàn và Chính phủ Việt Nam. Tiếp đó Xuân Thủy nhường lời cho Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ.

Lê Đức Thọ:

- Hôm nay tôi chưa đi vào cụ thể. Tôi chỉ phát biểu một số ý kiến tổng quát về tình hình thực tế của cuộc chiến tranh xâm lược mà các ông đã tiến hành để chống lại đất nước chúng tôi, vì... có hiểu đúng và đánh giá đúng tình hình thực tế mới tìm ra được giải pháp đúng...

Trước hết ông nói về quy mô chiến tranh, một cuộc chiến tranh lớn nhất, tốn kém nhất trong lịch sử nước Mỹ. Ông đem số dân miền Nam so sánh với số lượng quân Mỹ, số bom đạn Mỹ đã dùng, ngân sách Mỹ đã chi tiêu, thương vong của Mỹ, thất bại của Mỹ từ lúc ủng hộ Ngô Đình Diệm, đến chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” và sau hai mùa khô vừa qua..., chỗ yếu của Mỹ và thế thua chắc chắn của Mỹ, v.v.. Sau đoạn tổng quát ngắn gọn - cũng 10 trang đánh máy dày đặc, dài gần một giờ đồng hồ, Xuân Thủy thấy không khí có phần nặng nề bèn đề nghị tạm nghỉ. Harriman vui lòng ngay:

- Bởi vì tôi đã có nhiều cái nhét vào trong đầu quá.

Trước khi nghỉ, ông Thọ còn nói:

- Các ông phải đọc cho kỹ và hiểu cho kỹ những điều tôi nói để thấy rõ tình hình thực tế.

Gần nửa giờ nghỉ qua, mọi người trở lại phòng họp. Cố vấn Lê Đức Thọ lại nói về miền Bắc Việt Nam, về âm mưu và thất bại của Mỹ ở chiến trường Việt Nam, về ngân sách hao hụt, cán cân thanh toán mất thăng bằng, chảy máu vàng, nhân dân phản đối, binh lính chán ghét chiến tranh, sự cô lập trên thế giới, v.v.. Ông không quên trích dẫn những nhận xét của nhiều chính khách Anh, Pháp, để chứng minh thất bại của Mỹ (tất cả thêm bốn trang đánh máy nữa).

Cuối cùng ông nói:

- Nếu Mỹ thật sự có thiện chí để giải quyết vấn đề Việt Nam thì phía Việt Nam cũng sẵn sàng cùng Mỹ giải quyết. Nếu Mỹ cứ tiếp tục theo đuổi chính sách thực dân mới thì sẽ không giải quyết được và trách nhiệm thuộc về Mỹ.

Harriman bình tĩnh lắng nghe - không phải không sốt ruột - và có lúc ông Thọ tạm dừng, bèn hỏi:

- Tôi sẽ đợi ông nói hết phần thứ hai rồi mới bình luận hay sao?

- Được, để tôi nói hết rồi ông hãy bình luận - ông Thọ nói.

Nhưng cả sáng chủ nhật hôm đó, Harriman không có thì giờ bình luận. Hai bên định ngày cho phiên họp sau. Phía Mỹ muốn họp sớm vào thứ Ba (10/9) nhưng sau đồng ý vào thứ Năm (12/9). Harriman còn đề nghị gặp riêng mỗi tuần hai lần. Lê Đức Thọ đồng ý về nguyên tắc. Harriman cảm ơn lòng mến khách của chủ nhà và hy vọng có dịp đón đoàn Việt Nam tại chỗ ở của đoàn Mỹ, cũng vắng vẻ và kín đáo.

Cuộc gặp thứ hai: ngày 12 tháng 9

Thành phần như cuộc họp trước.

Lê Đức Thọ:

- Hôm trước ông Harriman đã nói bị nhồi sọ nhiều, hôm nay tôi lại tiếp tục làm việc đó (ông cười).

Xuân Thủy:

- Chịu khó nghe vậy.

Harriman:

- Chúng tôi kiên nhẫn thôi.

Ông Thọ bắt đầu nói về chủ trương của Việt Nam và của Mỹ về giải pháp chính trị. Việt Nam sẵn sàng tạo điều kiện cho Mỹ ra khỏi Việt Nam một cách danh dự. Việt Nam có thiện chí - ông đưa ra ví dụ: Hà Nội đi vào nói chuyện ngay với Mỹ khi Mỹ chưa đáp ứng yêu cầu của Việt Nam mà mới chỉ hạn chế ném bom miền Bắc. Hai là, bốn tháng nói chuyện chưa chuyển biến nhưng đoàn Việt Nam vẫn chấp nhận nói chuyện riêng.

Ông nhắc đến lập trường cơ bản của Việt Nam là đòi độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; miền Nam Việt Nam độc lập, hòa bình, trung lập, có quan hệ với Mỹ, miền Bắc cũng có thể quan hệ với Mỹ. Nhưng trước khi đi vào giải pháp chính trị thì Mỹ phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ông tố cáo Mỹ hạn chế ném bom miền Bắc, nhưng lại tập trung lực lượng đánh vào khu vực “cán xoong” (vùng hẹp, phía nam Khu 4 cũ) một cách ác liệt, phê phán hai giai đoạn do C. Vance đề ra thực chất là có đi có lại, phê phán công thức Manila, theo đó việc rút quân của Mỹ sẽ hoàn tất sáu tháng sau khi quân miền Bắc rút khỏi miền Nam, cho đó là không có đạo lý, là tìm cách đóng quân lâu dài ở miền Nam, củng cố lực lượng cho Thiệu - Kỳ để “phi Mỹ hóa” chiến tranh, thực hiện chủ nghĩa thực dân mới.

“Nếu các ông cứ giữ chủ trương một giải pháp theo yêu cầu của các ông thì chiến tranh sẽ tiếp diễn. Các ông sẽ tăng cường chiến tranh ở miền Nam, ném bom trở lại miền Bắc, nhưng thế nào rồi cũng thất bại”.

“Mong phía Mỹ có thiện chí để giải quyết vấn đề”.

Cuộc họp tạm nghỉ.

Khi trở lại phòng họp, Harriman cảm ơn sự thẳng thắn của ông Cố vấn đặc biệt, nhưng trước khi trả lời, trưởng đoàn Mỹ nhắc lại

đề nghị cũ là gặp riêng hai hoặc ba lần một tuần. Hai bên thỏa thuận lần họp tới cũng ở Vitry-sur-Seine và sẽ định địa điểm cho kỳ họp tiếp theo.

Đi vào nội dung, Harriman nói:

- Chúng ta đồng ý với nhau là muốn có nói chuyện thì tốt hơn phải chấm dứt tất cả các cuộc ném bom. Các ông đòi chấm dứt ném bom không điều kiện, chúng tôi chấp nhận điều đó. Nhưng chúng tôi có đưa ra là làm sao có “hoàn cảnh” để cho Mỹ có thể chấm dứt ném bom không điều kiện... Chúng tôi đã đưa ra những đề nghị cụ thể với Đại sứ Hà Văn Lâu, nhưng hình như các ông không ưa lắm. Nếu các ông vui lòng nói chuyện đó thì chúng ta có thể bàn về “hoàn cảnh” để tổng thống chúng tôi tiến bước lên.

Nhưng Harriman cũng nói hôm nay ông ta chưa thảo luận việc đó mà chủ yếu ông ta bình luận ý kiến của Lê Đức Thọ nói hôm trước!

- Trước hết tôi bác bỏ việc ông mô tả lịch sử như là có sự xâm lược của Mỹ. Tình hình chủ yếu là cơ sở trên sự xâm lược của Hà Nội... Cuộc chiến tranh này được vạch ra, khởi đầu và chỉ huy từ Hà Nội... là sự xâm lược của chủ nghĩa cộng sản chống chủ nghĩa quốc gia ở miền Nam Việt Nam... Còn Mỹ vào miền Nam là “do nhân dân miền Nam Việt Nam yêu cầu để chống lại sự xâm lược của Hà Nội bằng vũ lực và khủng bố”.

Ông ta cũng cho rằng chiến tranh ở Việt Nam không phải là tốn kém nhất trong lịch sử nước Mỹ, chỉ khoảng từ 3 đến 3,5% giá trị tổng sản phẩm quốc dân của Mỹ, còn chiến tranh Triều Tiên năm 1953 là 14% và chiến tranh thế giới năm 1945 là 50% giá trị tổng sản phẩm của Mỹ. Nhưng Harriman cũng thừa nhận đó là một gánh nặng không mấy dễ chịu (unpleasant burden).

Về tình hình chiến sự gần đây, trưởng đoàn Mỹ nói: Bắc Việt Nam và Việt cộng đã thất bại - từ Tết đến nay đã mất mười bốn vạn người... không chiếm được một thành phố nào... không một căn cứ của Mỹ nào bị mất... quân quốc gia ngày càng được tăng cường về khả năng chiến đấu và lòng tin. Chưa bao giờ Cộng hòa Việt Nam

và đồng minh mạnh như lúc này... Cái gọi là khởi nghĩa đồng loạt cũng thất bại...

Về chính trị, Harriman nói:

- Chính phủ Việt Nam Cộng hòa là một thực tế mà các ông không thể lờ đi được. Chính quyền của nó, quân đội của nó cũng là những thực tế. Nó phải được tham gia vào bất cứ cuộc nói chuyện nào về tương lai chính trị của miền Nam Việt Nam. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập ở Hà Nội, là tay sai cho miền Bắc ở miền Nam Việt Nam. Quân đội của nó do các sĩ quan miền Bắc Việt Nam chỉ đạo.

Harriman nhấn mạnh:

- Cả Hà Nội và Washington đều không có quyền định đoạt tương lai của Nam Việt Nam. Chúng ta cần tập trung tìm cách chấm dứt chiến tranh để nhân dân Nam Việt Nam quyết định tương lai chính trị của mình...

Nhân dân Mỹ muốn hòa bình nhưng là một nền hòa bình trong danh dự. Nhân dân Mỹ không chờ trải thảm đỏ hay chờ được tặng hoa. Họ tìm kiếm thực chất của giải pháp.

Nghỉ một lát rồi Harriman tiếp:

- Chúng tôi tôn trọng và ủng hộ mạnh mẽ nguyện vọng quốc gia, chống chủ nghĩa thực dân mới dưới bất cứ hình thức nào, chống lại sự chiếm lấy đất nước bằng xâm lược cộng sản từ bên ngoài hay bất cứ sự xâm lược nào khác.

Nhắc tới quan điểm ủng hộ cương lĩnh Mặt trận Dân tộc giải phóng của ông Thọ, vốn chủ trương dành cho Nam Việt Nam một vị thế độc lập, Trưởng đoàn Mỹ nói: Nếu thế thì chúng ta có thể tìm ra giải pháp nhằm hiện thực hoá mục đích đó. Có nhiều điểm trong cương lĩnh của Mặt trận cũng phù hợp với ý nghĩ của phía Mỹ. Ông ta nói: Để đi tới thỏa thuận về quyền tự quyết cho nhân dân Nam Việt Nam, chúng tôi đã yêu cầu sự có mặt của đại diện Chính phủ Việt Nam Cộng hòa ở phía chúng tôi. Còn chúng tôi hoàn toàn chấp nhận là phía các ông có thể có đại diện của Mặt trận, của Liên minh hoặc bất kỳ một bên nào khác.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời tựa</i>	7
Chương I: 1968: CHẤM DỨT NÉM BOM MIỀN BẮC VÀ HỘI ĐÀM BỐN BÊN	
• Hội nghị Paris bắt đầu	
• Cấp Phó trưởng đoàn: Thẩm dò	
• Cấp Trưởng đoàn: Đi vào thực chất	
• Cuộc gặp thứ nhất: ngày 08 tháng 9	
• Cuộc gặp thứ hai: ngày 12 tháng 9	
• Cuộc gặp thứ ba: ngày 15 tháng 9	
• Cuộc gặp thứ tư: ngày 20 tháng 9	
Chương II: CHẤM DỨT NÉM BOM: MẶC KỆ THIỆU!	
• Hà Nội mở đường	
• Một chỉ thị quá khó khăn với Lê Đức Thọ	
• Ngày chấm dứt ném bom và ngày bắt đầu nói chuyện	
• Ngày 26 tháng 10: cởi nút	
• Thiệu chống Johnson	
• Mặc kệ Thiệu!	
Chương III: ĐỂ KHỞI ĐỘNG: HAI KẾ HOẠCH HÒA BÌNH	
• Nixon trước hậu quả của thất bại Tết Mậu Thân	
• Mặt trận Dân tộc giải phóng trước những hệ quả của chiến thắng Tết Mậu Thân	
• Câu chuyện cái bàn	
• Hội nghị bốn bên bắt đầu	
• Cuộc gặp đầu tiên C. Lodge - Xuân Thủy	
• Giải pháp mười điểm của Mặt trận Dân tộc giải phóng: Một bất ngờ đối với Mỹ	

- Cuộc gặp C. Lodge - Lê Đức Thọ
- Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam: Người đối thoại mới

Chương IV: VIỆT NAM HÓA VÀ THƯƠNG LƯỢNG

- Một diễn đàn mới
- Đánh vào “đất thánh” Campuchia
- Hiệp đầu Lê Đức Thọ - Kissinger
- Cái chung chung: không Leninist
- Cái cụ thể: không đồng ý
- Giữa kẻ thù không chịu nổi và sự chống đối bên trong cũng không chịu nổi
- Cuộc họp vẫn ở số 11 phố Darthé
- Đợt tấn công ngoại giao tháng 9 của Chính phủ Cách mạng lâm thời

Chương V: TIẾN ĐẾN VẤN ĐỀ THỰC CHẤT

- Năm mới 1971: năm mới với mọi người
- Niềm hy vọng khác thường của Kissinger
- Thời cơ: sớm hay muộn đều có hại
- Tám điểm: khung mới, lập trường cũ

Chương VI: THỜI CƠ CHUYỂN SANG CHIẾN LƯỢC HÒA BÌNH

- Nixon xấu chơi
- Vấn đề quan hệ Trung - Mỹ
- Hà Nội trả lời: Mức độ và thời điểm
- Cuộc gặp riêng ngày 02 tháng 5
- Vấn đề Việt Nam và Hội nghị cấp cao Xô - Mỹ
- Chuyển sang chiến lược hòa bình

Chương VII: THĂM DÒ VÀ MẶC CẢ

- Cuộc họp ngày 19 tháng 7: Bước chuyển
- Cuộc họp ngày 01 tháng 8: Hai phương án để thăm dò và mặc cả
- Cuộc họp ngày 14 tháng 8: Vừa thăm dò vừa mặc cả
- Kết quả hai tháng thăm dò
- Kissinger: Chấm dứt trước 15 tháng 10
- Hà Nội tăng sức ép - Washington trì hoãn

Chương VIII: THỎA THUẬN THÁNG 10 VÀ SỰ LẬT LỌNG CỦA NHÀ TRẮNG

- Dự thảo Hiệp định ngày 08/10/1972, một sáng kiến quyết định
- Đề nghị mới của Việt Nam: Không thể bác bỏ được
- Thỏa thuận về cơ bản
- Nixon: Hiệp định xem như đã hoàn thành
- Thiệu cản đường, Nixon lật lọng

Chương IX: THỎA THUẬN VÀ THƯƠNG LƯỢNG LẠI

- Sau khi vượt bầu cử
- Thương lượng lại
- Họp hẹp - Gián đoạn

Chương X: ĐỔI CHÁC VÀ BẾ TẮC

- Mỹ lại đề nghị hoãn
- Lê Đức Thọ: Có hai cách lựa chọn... Tùy các ông!
- Bế tắc
- Quà Noel của Nixon

Chương XI: HIỆP ĐẤU CUỐI CÙNG VÀ HIỆP ĐỊNH PARIS

- Pháo đài bay không lật được thế cờ
- Hai vấn đề lớn tồn tại của hiệp định
- Các hiểu biết
- Hiểu biết về việc Mỹ chấm dứt trinh sát đối với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa
- Hiểu biết về trao trả nhân viên dân sự bị bắt
- Hiểu biết về nhân viên dân sự Mỹ liên quan đến quân sự
- Hiểu biết về vấn đề Lào và Campuchia
- Cách ký hiệp định
- Các nghị định thư
- Vấn đề Mỹ đóng góp hàn gắn vết thương chiến tranh
- Ngày họp cuối cùng
- Hiệp định ngày 20/10/1972 và Hiệp định chính thức (Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam) ngày 27/01/1973

Lời bạt

Sách tham khảo chính